

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2022

BẢNG KẾT QUẢ HỌC TẬP

(Kèm theo Bảng tốt nghiệp Đại học số hiệu DCN.DA13918, số vào sổ cấp bằng DA2022-1420)

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên: **Trần Đình Sơn**

Mã sinh viên: **2018601217**

Ngày nhập học: **20/08/2018**

Trình độ đào tạo: **Bậc 6 - Đại học**

Chương trình đào tạo: **Công nghệ kỹ thuật cơ khí**

Ngày tháng năm sinh: **11/09/2000**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Ngày công nhận tốt nghiệp: **28/06/2022**

Ngôn ngữ dùng trong đào tạo: **Tiếng Việt**

Địa điểm đào tạo: **Cơ sở 1**

PHẦN 2. KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Các học phần dùng để tính điểm trung bình tích lũy

Thứ tự	Tên học phần	Số tín chỉ	Điểm	Học kỳ
1	Vật liệu học	3	C	1
2	Vẽ kỹ thuật	3	C+	1
3	Hóa học đại cương	3	D+	1
4	Giải tích	3	B+	1
5	Vật lý 1	4	B+	1
6	Cơ học kỹ thuật	3	C+	2
7	Nhập môn về kỹ thuật	3	B+	2
8	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành	2	A	2
9	Đại số tuyến tính	3	B+	2
10	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	B	2
11	Pháp luật đại cương	2	D+	2
12	Thực hành cắt gọt 1	2	B	2
13	An toàn và môi trường công nghiệp	2	B+	3
14	CAD	3	C	3
15	Dung sai và kỹ thuật đo	3	C	3
16	Lý thuyết cơ cấu	3	C	3
17	Sức bền vật liệu	3	C	3
18	Thủy lực đại cương	2	D	3
19	Xác suất thống kê	3	B+	3
20	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	B	3
21	Nguyên lý cắt	3	C+	4
22	Phương pháp tính	3	C	4
23	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	B	4
24	Công nghệ CNC	2	A	5
25	Công nghệ chế tạo máy 1	3	B+	5
26	Đồ án môn học chi tiết máy	2	C+	5
27	Hệ thống tự động thủy khí	3	C+	5
28	Máy công cụ	3	B	5
29	Kỹ thuật điện	3	D	5
30	Thực hành cắt gọt 2	4	B+	5
31	CADCAM	3	B	6
32	Công nghệ chế tạo máy 2	3	B	6

Ghi chú: Điểm A: 4.0; Điểm B+: 3.5; Điểm B: 3.0; Điểm C+: 2.5; Điểm C: 2.0; Điểm D+: 1.5; Điểm D: 1.0. Điểm R: Miễn học và công nhận tín chỉ; Điểm P: Điểm đạt.

(2018601217)

Thứ tự	Tên học phần	Số tín chỉ	Điểm	Học kỳ
33	Công nghệ xử lý vật liệu	2	C+	6
34	Chi tiết máy	3	B+	6
35	Đồ gá	2	B	6
36	Thiết kế máy công cụ	2	B	6
37	Thực hành CNC	3	A	6
38	Thực hành gia công tia lửa điện	2	B+	6
39	Tiếng Anh Cơ khí	5	A	6
40	Tác phong làm việc chuyên nghiệp	2	A	6
41	CAD/CAE	3	B	7
42	Đồ án môn học Công nghệ CTM	2	A	7
43	Quản lý chất lượng sản phẩm	2	B+	7
44	Tự động hoá quá trình sản xuất	3	B+	7
45	Thực hành Robot	2	B+	7
46	Đồ án tốt nghiệp	7	A	8
47	Thực tập doanh nghiệp	6	A	8

2. Các học phần không dùng để tính số tín chỉ và điểm trung bình tích lũy

Thứ tự	Tên học phần	Điểm	Thứ tự	Tên học phần	Điểm
1	Bóng bàn 1	P	2	Bóng bàn 2	P
3	Cầu mây	P	4	Cầu mây 1	P
5	Công tác quốc phòng, an ninh	R	6	Đường lối quân sự của Đảng	R
7	Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản	P	8	Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin nâng cao	P
9	QS chung và CTKT bắn súng TLAK (CKC)	R	10	Tiếng Anh Cơ khí cơ bản 1	B+
11	Tiếng Anh Cơ khí cơ bản 2	B	12	Tiếng Anh Cơ khí cơ bản 3	C+
13	Tiếng Anh Cơ khí cơ bản 4	C+	14	Tiếng Anh Cơ khí cơ bản 5	C

3. Kết quả đánh giá quá trình học tập

Tổng số tín chỉ tích lũy: **138**

Tổng số tín chỉ tích lũy dùng để tính điểm trung bình tích lũy: **138**

Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học: **3,03**

Xếp hạng tốt nghiệp: **Khá**



Quyết định tốt nghiệp số 700/QĐ-ĐHCN ngày 28/06/2022



Ghi chú: Điểm A: 4.0; Điểm B+: 3.5; Điểm B: 3.0; Điểm C+: 2.5; Điểm C: 2.0; Điểm D+: 1.5; Điểm D: 1.0. Điểm R: Miễn học và công nhận tín chỉ; Điểm P: Điểm đạt.

(2018601217)